

GÓP PHẦN TÌM HIỂU CUỘC KHỞI NGHĨA VÕ TRÚ, TRẦN CAO VÂN Ở PHÚ YÊN NĂM 1898

NGUYỄN VĂN THƯỜNG*

Mặc dù sau khi phong trào Cần vương thất bại, thực dân Pháp tăng cường đàn áp, nhưng các cuộc đấu tranh chống Pháp vẫn nổ ra và phát triển với nhiều hình thức khác nhau. Sau cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng (1896), phong trào đấu tranh xuất hiện một khuynh hướng mới - khuynh hướng mang màu sắc tôn giáo. Trong những năm này tại Bắc Kỳ có phong trào Kỳ Đồng, Mạc Đĩnh Phúc (1895-1897) ở các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định; Bắc Trung Bộ có phong trào Vương Quốc Chính với Hội Thượng chí (1895-1898) ở các chùa từ Nghệ An trở ra; Nam Kỳ có phong trào "Hội kín" (1911-1916) ở Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hoà, Bến Tre, Châu Đốc... Trong bối cảnh đó, ở Nam Trung Kỳ có một phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Phú Yên do Võ Trú, Trần Cao Vân tổ chức (1898-1900).

Ở Phú Yên, bên cạnh người Kinh chiếm đa số (95,5%) còn có các tộc người Chăm-Hơroi (1,9%), Êđê (1,9%), Bana (0,4%) và một số dân tộc thiểu số khác như Tày, Thái, Mường, Nùng, Gia Rai... Họ sống chủ yếu ở vùng núi phía Tây (huyện Đồng

Xuân, huyện Sơn Hòa và huyện Sông Hinh) của tỉnh. Người Kinh và người Thượng ở Phú Yên cũng như cả nước, từ lâu đã có quan hệ gần gũi, nương tựa nhau trong cuộc sống lao động sản xuất cũng như trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược để bảo vệ quê hương, bản làng.

Phú Yên có địa hình phức tạp, nhiều núi đồi chạy dài từ dãy Trường Sơn xuống phía Nam. Vì vậy, những dãy núi ở phía Tây của tỉnh đã trở thành căn cứ quan trọng trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Sau cuộc khởi nghĩa của Lê Thành Phương, Nguyễn Hào Sứ (Bá Sứ) thuộc phong trào Cần vương thất bại, phong trào yêu nước chống Pháp ở Phú Yên lâm vào tình trạng rất khó khăn. Thực dân Pháp và lực lượng tay sai Trần Bá Lộc tăng cường kiểm soát chặt chẽ, bắt bớ và đàn áp dã man những người tham gia phong trào.

Tuy vậy, nhân dân Phú Yên nói chung và các dân tộc thiểu số ở miền núi nói riêng vẫn tiếp tục đấu tranh kiên cường chống lại chính quyền thực dân. Lực lượng tham gia kháng chiến lúc này chủ yếu là các dân tộc ít người như người Chăm, Bana, Êđê... Họ dựa vào điều kiện thuận lợi ở vùng núi La

* Th.S. Tỉnh Phú Yên.

Hiên (huyện Đồng Xuân), xây dựng căn cứ vùng Đá Mài, huy động đồng bào rèn đúc giáo mác, vót chông ngăn chặn quân Pháp kéo đến bản làng.

Võ Trứ xuất thân từ một gia đình nông dân, ở làng Nhơn Ân, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông là người đã từng tham gia phong trào Cần vương và đồng thời là môn đệ của thầy chùa Đá Bạc (thôn Chánh Danh, tổng Trung Chánh, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Ông ở chùa, làm nghề thầy thuốc và phù thủy. Công việc chính của ông là sử dụng phương thuật sở trường từ những việc cho thuốc, phát bùa, nương sao, giải hạn, tống quái, trừ tà... Mục đích chính của Võ Trứ là vận động, tập hợp quần chúng, xây dựng lại phong trào chống Pháp.

Xuất phát từ lòng yêu nước nhưng chưa có một phương thức tập hợp nhân dân, ông đã dựa vào sự mê tín của họ để thực hiện ý định chống Pháp, giành lấy độc lập cho quê hương. Hầu hết các chùa ở hai tỉnh Bình Định và Phú Yên đều trở thành nơi tập hợp nghĩa quân của Võ Trứ. Ông đã chọn miền núi phía Tây tỉnh Phú Yên làm căn cứ để hoạt động. Sau một thời gian vận động nhân dân, Võ Trứ đã dùng lòng tin của người dân và tôn giáo để tập hợp họ, quyên góp tiền bạc, rèn đúc khí giới, tích lũy lương thực, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Trần Cao Vân (1866-1916) người làng Tư Phú (tổng Đa Hoà, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), một trong mười mấy làng thuộc khu đất Gò Nổi, một khu đất đã có tiếng tăm văn vật trên mảnh đất Quảng Nam. Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho, bản thân cũng đã theo học các trường. Công việc hàng ngày của cụ là vừa dạy học, vừa bói quẻ làm thầy địa lý (1), với mục

đích truyền bá tư tưởng chống Pháp, vận động nhân dân cứu nước.

Năm 1895, thực dân Pháp thi hành lệnh cấm tập hợp ở các chùa ở tỉnh Bình Định. Tại chùa Đá Bạc (Bình Định), Võ Trứ đã gặp cụ Trần Cao Vân cùng bàn việc tổ chức khởi nghĩa. Sau đó, Võ Trứ vào huyện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Phú Yên để hoạt động.

Từ cuộc gặp gỡ đầu tiên đó đến sau này, hai ông đã tỏ ra "rất đồng ý nhau ở mục đích duy nhất là cách mệnh chống chế độ bảo hộ, mặc dù phương sách hành động còn chưa nhất trí, bởi mỗi bên đường phải hoạt động theo phương tiện riêng của mình" (2).

Võ Trứ và Trần Cao Vân được nhân dân Phú Yên ủng hộ. Hai ông với danh nghĩa là các nhà sư, dựa vào nhà chùa để tuyên truyền tư tưởng yêu nước, lập căn cứ, tổ chức lực lượng chống Pháp. Hai ông đã chọn các địa điểm Đá Mài, La Hiên, Thổ Lô và chùa Quang Tự làm căn cứ và cơ sở của phong trào.

Căn cứ Đá Mài ở gần bản của người Chăm - Hơoi, nơi tiếp giáp giữa hai xã Xuân Quang và Xuân Phước có người Kinh sinh sống. Xã Đá Mài có vùng núi Hòn Ông, Suối Rẽ, Mò O. Đây là căn cứ đầu tiên nhằm tập hợp và rèn luyện dân binh.

Căn cứ La Hiên (thuộc xã Phú Mỹ) nằm sâu trong khu rừng thuộc huyện Đồng Xuân. La Hiên có địa thế thuận lợi để nghĩa quân hoạt động, có núi cao 1.020m, hiểm trở, có nhiều dãy núi che chắn cả vùng Tây Bắc Phú Yên. Căn cứ này tiếp nối từ huyện Sơn Hoà chạy dài đến vùng núi huyện An Khê (thuộc vùng núi tỉnh Gia Lai ngày nay), nơi có buôn làng của các dân tộc người Chăm, Bana sinh sống và các làng đồng bào Kinh thuộc xã Xuân Quang và

Xuân Lãnh. Địa điểm này cuối thế kỷ XVIII, nghĩa quân Tây Sơn đã từng dùng làm căn cứ chiến đấu và năm 1892, Nguyễn Hào Sứ đã chọn nơi này làm căn cứ tập hợp nghĩa quân Cần vương chống Pháp. Trong dãy núi La Hiên có một hang đá rộng có thể dự trữ lương thực và trú ngụ hàng trăm người (đến nay người dân vẫn gọi hang này là "hang Võ Trứ" thuộc làng Đồng). Nơi đây nghĩa quân còn dùng làm nơi sản xuất vũ khí, cất giữ lương thực và rút quân về phòng thủ khi cần thiết.

Căn cứ Thổ Lô nằm trong dãy núi Trang Bông là nơi tiếp nối với huyện Vân Canh (tỉnh Bình Định) và tỉnh Gia Lai. Đây là căn cứ có địa thế thuận lợi không chỉ dựa vào rừng núi mà còn dựa vào sự đóng góp lương thực, vũ khí của các làng dân tộc ít người như làng Chăm Diêng (có 50 gia đình) và làng Chợ Pút (có 18 gia đình). Khi phong trào phát triển, căn cứ mở rộng đến vùng núi xã Bầu Bèn (nay là xã Phước Tân) qua xã Cà Lúi, sang làng Giếng Nghị ở huyện Sơn Hoà. Võ Trứ còn cho xây dựng một ngôi chùa tại làng Giếng Nghị (thuộc xã Sơn Long ngày nay) để chiêu tập nghĩa quân.

Do sự truy lùng ráo riết của thực dân Pháp đối với những làng trước kia có liên quan đến phong trào Cần vương, việc xây dựng căn cứ của nghĩa quân Võ Trứ gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, thực dân Pháp không thể đánh chiếm khu vực này vì đây là vùng núi hiểm trở, đi lại khó khăn.

Sau một thời gian chuẩn bị, vùng núi Tây Bắc của tỉnh, địa bàn sinh sống của người Chăm, Bana, Êđê, Gia Rai đã trở thành căn cứ chính của nghĩa quân Võ Trứ. Trong báo cáo của Công sứ Phú Yên Blainville gửi Khâm sứ Trung Kỳ có đoạn

viết: "Võ Trứ đến Phú Yên trong vòng hai năm, lúc đầu dựa vào người "mọi" ở Thổ Lô, làng Xí, làng Đồng, Phú Giang, làm căn cứ ở La Hiên, Cây Vũng, sau mở rộng ra đến người An Nam" (3).

Cùng với các cơ sở trên núi La Hiên, chùa Quang Tự (thường gọi là chùa Đá Trắng) được xây dựng trên núi Đá Trắng, ở thôn Cần Lương (xã An Dân, huyện Tuy An) là một trong những căn cứ quan trọng của nghĩa quân. Phía Bắc chùa dựa vào dãy núi Xuân Đài kéo dài từ huyện Đồng Xuân ra cửa biển Tiên Châu. Phía Tây là làng Bình Chánh và làng Mỹ Long; Phía Nam giáp xã An Dân, huyện Tuy An. Đây là địa bàn cư trú lâu đời của cư dân người Chăm và người Kinh. Từ thời Tây Sơn, các vị hoà thượng ở đây luôn có tinh thần yêu nước, thương dân, đến khi phong trào Cần vương diễn ra, chùa Đá Trắng, một trong những căn cứ của phong trào do Bùi Giảng chỉ huy đã trở thành nơi gặp gỡ, bàn kế hoạch chống Pháp của các bậc sĩ phu, văn thân yêu nước. Đây là một căn cứ quan trọng và thuận lợi cho nghĩa quân hoạt động, phía sau chùa là dãy núi có nhiều hang đá trắng dùng làm nơi cất giấu vũ khí và tập hợp nghĩa quân (tín đồ), xung quanh là hệ thống các ngôi chùa khác. Võ Trứ và Trần Cao Vân đã chọn nơi này để hội họp, tổ chức và vận động nghĩa quân (người Kinh ở đồng bằng) tham gia khởi nghĩa. Tại đây, nghĩa quân chống Pháp đã đổ bộ lên cửa biển Tiên Châu vào tháng 2 năm 1887.

Vũ khí trang bị cho quân khởi nghĩa phần lớn là tự chế, như lao làm bằng cây giang, dây thừng, lạng khiêng, gậy (tâm vòng), cung nỏ và chủ yếu là "rựa" được cất giấu ở các chùa và trong rừng. Vì vậy, thực dân Pháp gọi nghĩa quân của Võ Trứ là "Giặc Rựa". Không những vậy, nghĩa quân

còn mang trong mình một "đạo bùa hộ mệnh" vì họ tin vào phù phép cao cường của Võ Trứ (súng bắn không thủng, gươm chém không đứt).

Về trang phục, rất ít tư liệu nói đến vấn đề này. Riêng cuốn *La Province de Phu-Yen* đã viết: "Võ Trứ đã cho may những bộ quân phục sọc, còn ông mang một cái mũ rộng vành tuyệt đẹp được trang trí hình năm con rồng và một con dấu lớn bằng đồng..." (4).

Lực lượng tham gia phần đông là nông dân bao gồm người Kinh và đồng bào các dân tộc ít người khác sống ở làng Đồng, làng Chăm Diêng, làng Xí Thoại, làng Thâm Trang thuộc vùng núi huyện Sơn Hòa, huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên và hai xã Canh Sơn, Canh Lãnh thuộc huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Phong trào đã lôi kéo được phần lớn nhân dân các dân tộc thiểu số ở Phú Yên tham gia, đặc biệt là các già làng Bok Chơng, Bok Thớt, Bok Blang, Bok Ngưm, Y Dơm ở hai huyện Đồng Xuân và Sơn Hòa.

Cùng với các hoạt động thu hút đồng bào các dân tộc thiểu số, Võ Trứ và Trần Cao Vân còn vận động các nhà sư, thân hào, nhân dân trong dịp đi lễ chùa và tổ chức họ tham gia lực lượng nghĩa quân chống thực dân Pháp trong đó chủ yếu là tín đồ Phật giáo. Tiêu biểu là Nguyễn Khỏe người quê Xuân Sơn (Đồng Xuân) từng tham gia phong trào Cần vương đã trở thành tướng lĩnh trong cuộc khởi nghĩa Võ Trứ. Đại diện cho tín đồ Thiên chúa giáo là Huỳnh Cự, người quê Tuy An.

Về chủ trương và phương pháp đấu tranh, Võ Trứ chủ trương khởi nghĩa bằng cách lợi dụng yếu tố bất ngờ, thực hành bạo động giành thắng lợi. Trần Cao Vân

khuyên Võ Trứ không nên nghĩ đến cuộc bạo động quá vội vàng vì như vậy sẽ thất bại. Theo ông, trước tiên dựa vào lòng dân, tạo cho họ một niềm tin mãnh liệt, thu hút họ trở thành một lực lượng lớn mạnh, đóng góp tiền của, rèn đúc khí giới, tích trữ lương thực và dựa vào thế rừng núi hiểm trở để làm nơi thoái thủ. Khi có thời cơ sẽ bạo động bất ngờ, cướp súng địch trang bị cho nghĩa quân trở thành một lực lượng chủ lực khả dĩ mới có cơ hội làm nên việc lớn. Theo ông tổ chức được như thế, vạn nhất nghĩa quân ta nếu không thắng được thì cũng có nơi thoái thủ, có thời gian củng cố và xây dựng (5).

Hai ông chủ trương lợi dụng cơ hội ngày Rằm, ngày lễ Trung nguyên, bốn đạo thập phương đi lại các chùa rất đông, triệu tập họ ở chùa Đá Trắng, huyện Tuy An cách trung tâm tỉnh lỵ Sông Cầu 20km để vận động, chia nhau mua sắm khí giới, xem xét thực lực, chuẩn bị ban hành kế hoạch khởi nghĩa khi có thời cơ đến.

Năm Mậu Tuất 1898, Phú Yên xảy ra mất mùa, sưu thuế lại đến kỳ phải nộp, "những người không đóng góp được đều bị bọn cường hào thi hành bắt cả trâu bò, khuân cả từ khí, cho đến mâm thau, nồi đồng... những dân nghèo không có gia sản thì bị đóng gông giải về huyện" (6). Lòng căm thù của nhân dân Phú Yên đối với chính phủ bảo hộ dâng cao hơn bao giờ hết, họ hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương cứu nước, chống Pháp của Võ Trứ, Trần Cao Vân. Trước tình hình đó, hai ông quyết định tập hợp nhân dân khởi nghĩa.

Đối tượng đấu tranh của cuộc khởi nghĩa không chỉ chia mũi nhọn vào bọn phong kiến tay sai như trước đây mà chủ yếu là thực dân Pháp.

Theo kế hoạch, trước hết quân khởi nghĩa vây cướp trại lính tập, lấy súng đạn trang bị cho dân binh, sau đó tiến đến đánh chiếm tỉnh lỵ (thị trấn Sông Cầu ngày nay).

Về phía thực dân Pháp, sau khi đàn áp phong trào Cần vương ở phía Bắc Phú Yên, năm 1887 Pháp lập toà sứ ở Sông Cầu (tức Toà Công sứ Pháp - TG), tổ chức bộ máy cai trị do Nam triều trực tiếp điều khiển. Hoạt động của Võ Trứ luôn bị theo dõi. Tri huyện Đồng Xuân là Lưu Tuấn lúc bấy giờ đã phát hiện được kế hoạch khởi nghĩa của nghĩa quân và báo với Chính quyền Pháp.

Về phía nghĩa quân, sau thời gian tích cực chuẩn bị, Võ Trứ lãnh đạo dân binh từ vùng núi La Hiên ở Làng Đồng, Làng Len (Phú Mỹ), qua Xuân Lãnh kéo xuống Sông Cầu. Chính lúc Võ Trứ phát cờ xuất quân, Trần Cao Vân đang nằm trên giường bệnh nhưng vẫn tiếp xúc cùng Võ Trứ để điều động công cuộc hưng binh (7). Lực lượng tham gia nghĩa quân có khoảng 600 người (8). Võ Trứ đi giữa, các vị sư tăng đi hai bên điều khiển nghĩa quân. Khoảng 11 giờ đêm (mùa Hè năm 1898), lực lượng nghĩa quân của Võ Trứ đến Đốc Quyết cách Sông Cầu 5km về phía Nam thì gặp quân địch. Cuộc chiến đấu đã diễn ra ác liệt. Lực lượng nghĩa quân đã chiến đấu dũng cảm, nhưng vì bị bất ngờ, trong khi đó tổ chức còn thiếu chặt chẽ, vũ khí còn quá thô sơ và ít ỏi (cung, nỏ, giáo, rựa) lại phải đối phó với địch được trang bị vũ khí hiện đại nên cuộc khởi nghĩa đã bị thất bại.

Sau khi quân Võ Trứ bị tổn thất và rút về vùng núi La Hiên, thực dân Pháp tăng cường lực lượng quân phòng "phái từ Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên đến" (9). Chúng tập trung quân bắn giết, đốt,

phá nhà cửa dân chúng ở gần căn cứ nghĩa quân. Nhiều ngôi làng xung quanh căn cứ bị chúng đốt sạch. Trước hoàn cảnh đó, ngày 31 tháng 5 năm 1900, Võ Trứ quyết định nộp mình để cứu lấy nhân dân. Trần Cao Vân bị thực dân Pháp bắt giam.

Mặc dù thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa Võ Trứ đã thể hiện lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm của nhân dân Phú Yên trước kẻ thù. Võ Trứ và hai phụ tá của ông đều bị xử chém vào ngày 6-6-1900 tại Sông Cầu. Những làng có liên quan đến cuộc khởi nghĩa như Làng Đồng và làng Thâm Trang, đặc biệt các làng Bok Meo, làng Bok Chơ, làng Bok Đôn bị lính Pháp đốt cháy, nhân dân các làng này bị địch đàn áp, bắt giết hết sức dã man. Các làng liên quan đến cuộc khởi nghĩa còn phải nộp thuế chiến phí 20.000 sợi dây mây (10).

Cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta trong những năm cuối thế kỷ XIX, trong đó cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ, Trần Cao Vân ở Phú Yên đã chứng tỏ rằng trong những điều kiện khó khăn, "mặc dù bọn vua chúa ươn hèn, mặc dù địch đang chiếm ưu thế và mặc dù chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu nổi ách ngoại bang mà không bền bỉ chống lại" (11).

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền núi Phú Yên do Võ Trứ lãnh đạo đã thể hiện tính chất nhân dân rõ nét, sự đoàn kết giữa người Kinh và người Thượng, đoàn kết tôn giáo, thể hiện tinh thần kiên trung, bất khuất của nhân dân Phú Yên trong phong trào yêu nước chống Pháp và chính quyền tay sai cuối thế kỷ XIX.

Cuộc khởi nghĩa đã thể hiện tính năng động, sáng tạo, quyết tâm đấu tranh chống

áp bức bóc lột, bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Phú Yên. Chính thực dân Pháp đã phải thừa nhận: "dân Phú Yên tuy ít học, nhưng họ giữ được ý thức độc lập, tự do" (12).

Cuộc khởi nghĩa Võ Trứ, Trần Cao Vân là cuộc đấu tranh chống Pháp và chính quyền tay sai mang màu sắc tôn giáo. "Võ Trứ đã tìm ra con đường đấu tranh mới

trong hoàn cảnh đen tối của đất nước, thực dân Pháp đã đặt xong nền cai trị ở nước ta, phong trào Cần vương đã thất bại hoàn toàn" (13). Cuộc khởi nghĩa tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng là một bộ phận và có một vị trí quan trọng trong phong trào yêu nước của cả nước và của nhân dân Phú Yên cuối thế kỷ XIX.

CHÚ THÍCH

(1), (2). Hành Sơn. *Cụ Trần Cao Vân*. Nxb. Minh Tân, Paris VI, 1950, tr. 9-11, 32.

(3). Tài liệu Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hoà, Phú Yên, 1985, tr. 7.

(4), (9), (10). A. Laborde. *La province de Phu Yen*. Bulletin des Amis de Vieux Hué, No4, 1929, tr. 224, 211.

(5), (6), (7). Hành Sơn. *Cụ Trần Cao Vân*. Sđd, tr. 33-34, 38, 45.

(8). Tài liệu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Phú Yên, 1999, tr. 30. "Tờ trình của Công sứ Phú Yên Blainville gửi Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 30-6-1900 viết: "Quân của Võ Trứ có khoảng 600 người có cả Nguyễn Khỏe (tức là đội Khỏe), tín đồ Phật giáo và Huỳnh Cự (tức cai Nam), tín đồ Công giáo. Võ Trứ đi đến đâu cũng được dân chúng và các nhà chức trách địa phương đón rước và hiến dâng lễ vật như một giáo chủ đạo Hồi hay một vị thượng quan đi kinh lý...".

(11). *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 1. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 412.

(12). Tài liệu Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Phú Yên, 1999, tr. 28. "Báo cáo mật của Công sứ Phú Yên gửi Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 29-7-1900: "dân Phú Yên tuy ít học, nhưng họ giữ được ý thức độc lập, tự do. Từ 2 năm nay ta xen vào công việc của họ một cách trực tiếp, họ nhìn chúng ta với con mắt căm thù. Hơn nữa họ còn ghi lại trong ký ức những cuộc chiến đấu của ông, cha, anh họ chống lại người Pháp chúng ta đặt chân đến mảnh đất này. Nay có người gọi lại truyền thống ấy và khuyến dụ họ, tức thì họ nghe theo. Chỉ vì vậy mà Võ Trứ cùng Nguyễn Khỏe tướng của Võ Trứ quê ở Tuy An đã thành công trong việc khuyếch động dân chúng nổi dậy chống người Pháp đông đảo và nhanh chóng như vậy. Có ôn lại chuyện cũ mới hiểu rõ chuyện ngày nay. Ta còn nhớ từ ngày lập Toà sứ Sông Cầu, chúng ta đã nhiều lần đối phó với sự chống đối khá mạnh, khi ngấm ngấm, lúc công khai của dân chúng ở đây".

(13). Trần Văn Giàu. *Phú Yên - yên định trong phú cường*. Tạp chí Xưa và Nay, số 106 (156), 2002, tr. 6.